

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/06/2018
V/v Tranh chấp HNGĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Diễn, ông Hoàng Công Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Nguyễn Thị Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 29/06/2018, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/04/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/06/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969;

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Trắc N, sinh năm 1966; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (Đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đoàn Trắc N năm 1992, có tình cảm tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2001 đến nay không quan hệ, liên lạc với nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn. Chị có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn, nhưng cho đến nay bản chính đăng ký kết hôn đã bị thất lạc; nên chị không giao nộp cho Tòa án được.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Đoàn Trắc H, sinh ngày 12/02/1993 hiện đang ở với chị; Đoàn Trắc H không khai báo tại Tòa án được vì bị bệnh tâm thần

nhiều năm nay; được Bệnh viện tâm thần thành phố Hồ Chí Minh cấp sổ cấp thuốc và khám chữa bệnh thường xuyên. Hiện chị làm giúp việc gia đình có thu nhập từ 3 đến 4 triệu đồng đủ để nuôi con. Ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh Đoàn Trắc N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và công nợ chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Đoàn Trắc N trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, mâu thuẫn và ly thân như chị Nguyễn Thị T trình bày là đúng; anh chị kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện G và đã được cấp giấy đăng ký kết hôn; nhưng đến nay bị mất, không tìm thấy nên không có để giao nộp cho Tòa án được. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay anh xác định không thể về chung sống cùng nhau được, chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh đồng ý.

Vợ chồng có 01 con chung như chị Nguyễn Thị T khai là đúng, ly hôn chị Nguyễn Thị T xin nuôi anh đồng ý.

Tài sản chung và công nợ anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án xét xử:

Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Trắc N là vợ chồng. Giao con chung là Đoàn Trắc H cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn

Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Trắc N đều trình bày anh, chị kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện G, nhưng do bị mất đăng ký kết hôn nên không cung cấp đăng ký kết hôn được. Tòa án xác minh đối với UBND xã N, thì UBND xã không có sổ sách theo dõi, lưu giữ việc đăng ký kết hôn trước năm 2000, qua kiểm tra sổ đăng kết hôn từ năm 2000 đến nay không

có việc chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Trắc N Thắng đăng ký kết hôn. Đến tại phiên tòa các đương sự cũng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn; anh, chị đều xác định có thời gian chung sống với nhau và đã có con chung. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là thuộc trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

Tại khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp quy định: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”*.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng”*. Việc chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào các quy định của pháp luật nêu trên; tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Trắc N là vợ chồng là có cơ sở và phù hợp pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Trắc N có 01 con chung là Đoàn Trắc H, sinh ngày 12/02/1993; con anh, chị bị tâm thần không có khả năng khai báo; ly hôn chị Nguyễn Thị T xin nuôi con, anh Đoàn Trắc N đồng ý. Xét thấy, chị Nguyễn Thị T có việc làm, đủ điều kiện để nuôi con; nên giao con cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

Tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[2]. Án phí và chi phí tố tụng

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án, anh Đoàn Trắc N vắng mặt tại địa phương, chị Nguyễn Thị T đã có đơn đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm anh Đoàn Trắc N trên phương tiện thông tin và tự nguyện nộp chi phí tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú là 2.872.000đ; nên chị Nguyễn Thị T phải chịu số tiền chi phí tìm kiếm nêu trên, xác nhận đã nộp đủ.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Trắc N là vợ chồng.

2. Giao con chung là Đoàn Trắc H, sinh ngày 12/02/1993 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ không xem xét giải quyết.

3. Án phí và chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001272 ngày 03/04/2018, của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Chị Nguyễn Thị T phải chịu số tiền chi phí tìm kiếm là 2.872.000đ xác nhận đã nộp đủ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- UBND xã N, huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phong